

PARTS OF A SENTENCE

CẤU TRÚC CÂU

1. _____ thường là một danh từ (Noun), cụm danh từ (Noun Phrase) hoặc đại từ chủ ngữ (Subject Pronoun), đứng trước động từ. Nó thực hiện hành động (trong câu chủ động_ Active voice) hoặc bị tác động bởi hành động (trong câu bị động_ Passive voice).
2. _____ là động từ hoặc nhóm động từ, thể hiện một hành động, hoặc trạng thái của chủ ngữ trong câu.
3. _____ thường là một danh từ, cụm danh từ hoặc đại từ tân ngữ (Object Pronoun), đứng sau động từ, chịu tác động hoặc ảnh hưởng của động từ trong câu. Có hai loại _____ là _____ và _____.
4. _____ thường là một tính từ hoặc một danh từ đứng sau động từ TO BE hoặc Liên động từ (linking verbs), để bổ nghĩa cho chủ ngữ hoặc tân ngữ trong _____ câu.
5. _____ là những từ chỉ cách thức xảy ra của hành động, chỉ thời gian, địa điểm, mức độ tần suất.